

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày 07-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Phan Công Trí**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Dư Thị Út.

Bà Khru Liên Dung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Duy** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Huỳnh Thanh T, sinh năm 1985 tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: ấp Giồng Nhãn, xã Hiệp Thành, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1952 và bà Lê Thị T, sinh năm 1958; có vợ tên Trần Thị Cẩm P, sinh năm 1994 và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 27/02/2007, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ra Quyết định số 04/QĐ-UBND đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 18 tháng về hành vi Gây rối trật tự công cộng; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 19/10/2018. Hiện bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: ấp Gây Giang, xã Long Điền, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Hoàng Đ**, sinh năm 1986. Nơi cư trú: số 42, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 14/10/2018, Huỳnh Thanh T đi bộ đến công trình xây dựng gần nhà để tìm anh Nguyễn Văn B nói chuyện chia tiền nhậu. Lúc này anh B đang nằm ngủ trên võng gần cửa chính nhà kho và ở dưới võng có để 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại F9, dung lượng 64GB, màu xanh - đen, kiểu máy CPH1825, IMEI 1: 866376043312237; EMEI 2: 866376043312229. Thấy anh B đã ngủ say nên T liền khom người xuống lấy điện thoại di động tắt nguồn, đi về nhà đem giấu dưới đầu nằm rồi ngủ tiếp. Khoảng 08 giờ cùng ngày, T đem điện thoại vừa trộm được đến cửa hàng điện thoại di động Đại Thành do Nguyễn Hoàng Đ làm chủ bán với giá 3.000.000 đồng. Số tiền này T tiêu xài hết. Sau khi phát hiện bị mất điện thoại, anh B trình báo sự việc với Công an xã Hiệp Thành, thành phố B.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 172-KL-HDDGTS ngày 18/10/2018, của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 điện T di động hiệu OPPO loại F9, dung lượng 64GB, màu xanh - đen, kiểu máy CPH1825, IMEI 1: 866376043312237; EMEI 2: 866376043312229 giá trị còn lại là 7.613.100 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSTPBL ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Huỳnh Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh T từ 04 đến 06 tháng tù.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo Huỳnh Thanh T được miễn nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Huỳnh Thanh T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Sau khi nghe Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu trình bày luận tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại Nguyễn Văn B trình bày: tối ngày 14/10/2018, khi đi ngủ anh để điện thoại nhãn hiệu OPPO loại F9 gần đó, sáng hôm sau thì anh bị mất và có đến gặp T hỏi có lấy thì cho anh xin lại, nhưng T không thừa nhận nên anh đã trình báo Công an.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Thanh T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Huỳnh Thanh T không yêu cầu người bào chữa, bị cáo có thể tự bào chữa cho bản thân. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của bị cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Luật trợ giúp pháp lý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo Huỳnh Thanh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại là anh Nguyễn Văn B về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm và đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt; đồng thời phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: khoảng 01 giờ ngày 14/10/2018, bị cáo Huỳnh Thanh T đã lén lút lấy trộm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại F9 trị giá 7.613.100 đồng của anh Nguyễn Văn B đang để dưới võng của mình đang ngủ. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo T đã tắt nguồn nhằm tránh cho chủ sở hữu phát hiện, sáng hôm sau bị cáo đem điện thoại đi tiêu thụ.

Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; khi thực hiện hành vi bị cáo đều biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Thanh T đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, i, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do bị cáo có hơn 02 tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định một hình phạt ở mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Chiếc điện thoại bị cáo đem bán cho anh Nguyễn Hoàng Đ, do anh Đ không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, nên hành vi của anh Đ không cấu thành tội phạm.

[7] Về vật chứng: tài sản bị mất trộm đã thu hồi và trao trả cho bị hại Nguyễn

Văn B xong.

[8] Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu nào khác. Bị cáo và anh Đ đã thỏa thuận bồi thường xong, anh Đ không có yêu cầu nào khác. Cho nên, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Do bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo được miễn nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[11] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo Huỳnh Thanh T được miễn nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. B;
- Nhà Tạm giữ Công an Tp.B;
- Công an Tp.B;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Tp.B;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan.
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Phan Công Trí